TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2022.
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thu Hà

2. Ông Nguyễn Văn Phúc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường – Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HN ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm L

Địa chỉ: Ấp TS, xã T, huyện M, tỉnh B. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Dương Phi T

Địa chỉ: Ấp TT, xã T, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm L trình bày: Chị và anh Dương Phi T kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B. Chung sống với nhau đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 6/2014 cho đến nay. Hiện tại chị nhận thấy không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Dương Thị Ngọc U, sinh ngày 01/5/2014, cháu Uyên đã sống chung với chị từ lúc mới sinh cho đến nay. Nay chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không có yêu cầu

Về nợ chung: Không có nên không có yêu cầu

Bị đơn anh Dương Phi T quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Trần Thị Cẩm L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Dương Phi T tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Dương Phi T, hiện tại có nơi cư trú tại Ấp TT, xã T, huyện C, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Anh Dương Phi T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T chung sống với nhau từ năm 2013, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cải gây mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh T không tham dự. Chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay cũng không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn

cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Cẩm L được ly hôn với anh Dương Phi T.

[2]. Về con chung: Chị L có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị L và anh T sống với nhau có con chung tên Dương Thị Ngọc U, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/5/2014, hiện tại đang sống chung với chị L. Anh T biết chị L yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Do cháu Dương Thị Ngọc U hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Tờ nêu ý kiến của cháu U, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Cẩm L phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Cẩm L được ly hôn với anh Dương Phi T

2. Về con chung: Giao con chung tên Dương Thị Ngọc U, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/5/2014 cho chị Trần Thị Cẩm L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Phi T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Dương Phi T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Cẩm L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0011698 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Cẩm L, anh Dương Phi T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Mẫn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.